

## 日本の教育制度

日本の教育制度は、小学校6年間、中学校3年間、高等学校3年間、大学4年間が基本となっており、いずれも国立・公立・私立があります。このうち小学校と中学校が義務教育です。外国籍の子どもには、日本国内の小・中学校に就学する義務はありませんが、希望すれば入学できます。また、途中から編入することもできます。高等学校と大学は、原則として希望者が入学試験を受けて入学します。学年は4月に始まり、翌年の3月に終わります。問合せ：各市町村教育委員会

## 子どもの養育（児童手当）

子どもを養育している人（所得制限基準額未満の方）は、中学校を卒業するまでの子ども1人につき、子ども手当月1万円（3歳未満と第3子以降の小学生までは15,000円）が受給できます。受給するには、お住まいの市町村への申請が必要ですが、詳しくは、市町村役場に問い合わせてください。

## Hệ thống giáo dục ở Nhật Bản

Hệ thống giáo dục của Nhật Bản, hệ công lập hoặc dân lập đều có thời gian bậc tiểu học là 6 năm, trung học cơ sở là 3 năm, phổ thông trung học là 3 năm, đại học là 4 năm. Trong đó giáo dục bậc tiểu học và trung học là bắt buộc.

Người nước ngoài sinh sống tại Nhật Bản không bắt buộc phải theo học hệ tiểu học và trung học, nhưng họ có thể đề nghị để được đi học. Cũng có thể chuyển vào trường học ở Nhật Bản khi đang giữa năm học. Đối với trường cấp III và đại học, những người có nguyện vọng học cần phải tham gia kỳ thi đầu vào. Năm học được bắt đầu từ tháng 4 và kết thúc vào tháng 3 năm sau.

Để biết thêm thông tin, liên lạc với Phòng giáo dục ở địa phương.

## Trợ cấp trẻ em (trợ cấp nhi đồng)

Đối với người đang nuôi trẻ em (và có mức thu nhập dưới mức quy định), sẽ được hưởng trợ cấp trẻ em cho đến khi tốt nghiệp trung học cơ sở, 1 trẻ em được trợ cấp 10000¥/tháng (trẻ dưới 3 tuổi, và trẻ em thứ 3 trở đi, sẽ được trợ cấp 15000¥ cho đến khi học hết tiểu học). Để nhận trợ cấp, cần phải làm thủ tục ở cơ quan hành chính khu vực mình sống. Liên hệ với cơ quan chính quyền khu vực để biết thêm chi tiết.

## 保育所・保育園

保護者の仕事や病気などのために昼間家庭で保育できない就学前の0歳から5歳までの乳幼児を預かり、保育する児童福祉施設で、公立と私立があります。

保育料は、その子どもの家庭の前年の所得を基準にして、市町村ごとに決められています。

対象乳幼児や保育時間は保育所・保育園によって異なります。詳しくは、各市町村の保育担当課に問い合わせてください。

## 幼稚園

3歳から6歳までの幼児を対象として、学校に準ずる教育をする施設です。ほとんどの市町村にあり、公立と私立があります。1日の教育時間は4時間を標準としています。

対象幼児の年齢・費用・入園手続は、幼稚園によって違います。詳細は、公立の場合は市町村教育委員会へ、私立の場合は直接各幼稚園へ問い合わせてください。

## 認定こども園

保護者が働いている、いないにかかわらず利用可能です。詳しくは、各市町村の保育担当課に問い合わせてください。

## Nhà trẻ, mầm non

Có các nhà trẻ công lập và dân lập nhận chăm sóc trẻ em trước tuổi đi học (từ 0 đến 5 tuổi) cho những gia đình không thể chăm sóc được vì lý do công việc hoặc đau ốm hoặc các lý do khác.

Chi phí trông giữ trẻ được tính toán dựa trên thu nhập năm trước của hộ gia đình và được quy định bởi từng địa phương.

Thời gian và đối tượng trẻ giữ sẽ khác nhau giữa các nhà trẻ. Thông tin chi tiết xin vui lòng hỏi phòng phụ trách giáo dục trẻ em, cơ quan chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống

## Mẫu giáo

Trường mẫu giáo là nơi chuẩn bị nền tảng giáo dục cho trẻ em từ 3 đến 6 tuổi trước khi vào cấp I. Hầu hết các địa phương đều có các trường mẫu giáo hệ công lập và dân lập. Giờ học chính thức là 4 tiếng trong một ngày.

Thù tục nhập học, chi phí và độ tuổi tùy từng trường sẽ khác nhau. Để biết thêm thông tin liên quan đến trường công lập, hãy liên lạc với phòng giáo dục cơ quan chính quyền địa phương, đối với nhà trẻ dân lập thì vui lòng liên lạc trực tiếp.

## Vườn trẻ (gồm nhà trẻ và mẫu giáo)

Có thể sử dụng dù bố mẹ có đi làm hay không. Liên hệ với phòng phụ trách giáo dục, cơ quan hành chính địa phương để biết thêm thông tin chi tiết.

## 小学校・中学校

小学校は満6歳、中学校は満12歳になった子どもが、市町村立小学校・中学校に入学を希望する場合は、教育委員会で就学の手続きをします。住民登録を行っていて、翌年4月から小学校へ入学する年齢になる子どもを持つ保護者に対して、手続きの案内が送付されます。市町村立小中学校の場合、住んでいる場所によって入学する学校が決まり、入学試験はありません。

分からないことがあれば、市町村の教育委員会にお問い合わせください。

中学校は、小学校を卒業した人が入学します。中高一貫校や国・県・私立などの中学校を希望する場合は、入学試験がありますので、直接各学校にお問い合わせください。

## 費用

公立の小中学校では、授業料や教科書は無料です。その他の費用(制服、学用品、給食、修学旅行など)は個人負担です。経済的な理由でこれらの支払いに困るときは、就学費の援助制度があるので、学校か市町村の教育委員会に相談してください。

## Trường cấp I, cấp II

Trẻ em tròn 6 tuổi muốn đi học cấp I, trẻ em tròn 12 tuổi muốn đi học cấp 2 ở các trường trong khu vực, thì phải làm thủ tục xin đi học ở ủy ban giáo dục. Sau khi đăng ký cư trú, từ tháng 4 năm sau nếu nhà có trẻ em đến độ tuổi đi học cấp I, thì sẽ gửi hướng dẫn thủ tục nhập học tới bố mẹ. Đối với trường cấp II công lập, trường sẽ được chỉ định tùy theo nơi bạn đang sinh sống và không phải thi đầu vào.

Nếu có gì không hiểu, hãy hỏi văn phòng giáo dục ở địa phương.

Trẻ em đã tốt nghiệp cấp I sẽ tiếp tục học lên cấp II. Trường hợp muốn nhập học các trường dân lập, quốc lập, tỉnh lập, hoặc trường gồm cấp II và cấp III, cần phải thi đầu vào, vì vậy xin vui lòng hỏi trực tiếp trường để biết thêm thông tin.

## Chi phí

Học phí và sách giáo khoa sẽ miễn phí ở các trường cấp I và cấp II hệ công lập. Các chi phí khác (như đồng phục, đồ dùng học tập, bữa trưa, đi tham quan học tập, ..vv..) sẽ do cá nhân chi trả. Đối với các trường hợp khó khăn về kinh tế, sẽ có tiền trợ cấp khi nhập học. Vui lòng hỏi thêm ở trường hoặc văn phòng giáo dục ở địa phương để biết thêm chi tiết.

## 小中学校への途中入学(編入学)

母国で小学校または中学校に在学していた児童生徒が日本の市町村立小中学校に編入学したい場合には、住民登録を行った上で、市町村の教育委員会で編入学の手続きをしてください。国・県・私立学校の場合には、直接各学校に問い合わせてください。

## 「子ども日本語学習サポーター」派遣

(一財)岡山県国際交流協会では、県内在住外国人児童・生徒の日本語の学習を支援するために、県内の学校や市町村教育委員会などからの依頼を受け、「子ども日本語学習サポーター」を学校などに派遣しています。費用は無料です。詳しくは下記へお問い合わせください。

### 【問合せ】

(一財)岡山県国際交流協会

TEL : 086-256-2914

(月～土曜9 : 00～17 : 00)

## Chuyển vào trường cấp I, cấp II

Nếu trẻ em đang đi học cấp I hoặc cấp II ở nước ngoài muốn chuyển vào trường công lập cấp I hoặc cấp II tại Nhật Bản, thì sau khi đăng ký cư trú, hãy làm thủ tục chuyển trường ở văn phòng giáo dục.

Đối với trường dân lập, tỉnh lập, quốc lập, hãy liên hệ trực tiếp với trường.

## Phái cử “người hỗ trợ trẻ em học tiếng Nhật”

Hiệp hội giao lưu quốc tế tỉnh Okayama, với mục đích giúp đỡ trẻ em, học sinh người nước ngoài sống trong tỉnh học tiếng Nhật, khi nhận được yêu cầu từ phòng giáo dục hay trường học trong tỉnh, sẽ tiến hành phái cử “người hỗ trợ trẻ em học tiếng Nhật”. Không tốn phí. Liên hệ địa chỉ sau để biết thêm chi tiết

Hiệp hội giao lưu quốc tế tỉnh Okayama

Tel: 086-256-2914

(thứ Hai ~ thứ Bảy 9:00-17:00)

## 高等学校

高等学校は、中学校卒業後、普通教育及び専門教育を習得することができる

学校で、次の3課程に別れています。

全日制：昼間に通学し、修業年限は3年

定時制：働きながら夜間または昼間通学し、修業年限は3年または4年

通信制：働きながら通信教育で学習

高等学校には、中学を卒業して入学試験に合格した生徒が入学できます。

詳しくは、県または市の教育課に相談してください。私立の場合は直接学校に問い合わせてください。

## Trường cấp III

Là trường mà bạn có thể theo học giáo dục chuyên ngành và giáo dục phổ thông sau khi tốt nghiệp cấp II, và được chia thành 3 khóa học như sau:

Học tập trung: học vào ban ngày, thời gian học là 3 năm.

Học bán thời gian: vừa làm vừa học (ban đêm hoặc ban ngày), thời gian học là 3 năm hoặc 4 năm

Học từ xa: vừa làm vừa học từ xa

Để nhập học cấp III, học sinh cần phải tốt nghiệp cấp II và thi đậu kì thi đầu vào.

Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ với phòng giáo dục của thành phố hoặc tỉnh. Đối với trường dân lập thì liên hệ trực tiếp với trường.

## 大学・短期大学

高等学校を卒業した生徒のための学校として、大学・短期大学があります。入学するためには入学試験を受ける必要があります。日本の高等学校を卒業していても高等学校卒業程度認定試験に合格すれば同じ程度の学力があると認められ、入学試験を受けることができます。

【高等学校卒業程度認定試験について】  
もんぶかがくしょうしょうがいがくしゅうすいしんか  
文部科学省 生涯学習推進課

TEL : 03-5253-4111 (内線2024、2643)

## 奨学金

経済的に理由で、修学が難しい場合、学費などの給付や貸与を行う制度です。

せいふ、ちほうじちたい、みんかん、こうえきだんたい、しょうがくきんなどがあります。また、多くの大学では、独自の奨学金制度を設けています。

しょうがくきん、じょうほう、りゅうがくせい、やくだ  
奨学金の情報や留学生に役立つ  
情報:

どくりつぎょうせいほうじん、にほんがくせいしえんきこう  
独立行政法人 日本学生支援機構

<http://www.jasso.go.jp/>

## Trường đại học, đại học ngắn hạn.

Trường đại học và đại học ngắn hạn là trường dành cho học sinh đã tốt nghiệp cấp III. Để nhập học cần phải tham gia kì thi đầu vào. Không cần tốt nghiệp cấp III tại Nhật, chỉ cần có xác nhận đậu kì thi tốt nghiệp cấp III thì sẽ được xem như là có cùng trình độ, và có thể tham dự kì thi đầu vào.

Về kì thi nhận định tốt nghiệp cấp III, liên hệ phòng Xúc tiến học tập của Bộ giáo dục, Văn

hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ

Tel:03-5253-4111( nội bộ 2024, 2643)

## Học bổng

Là chế độ cấp hoặc cho vay học phí cho học sinh gặp khó khăn trong việc đi học vì lí do kinh tế. Học bổng từ chính phủ, địa phương, tư nhân, đoàn thể...Ngoài ra, các trường đại học lớn đều có chế độ học bổng của riêng mình

Thông tin hữu ích về học bổng và du học sinh Cơ quan pháp nhân hành chính độc lập hỗ trợ học sinh Nhật Bản

